

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

9. Số báo danh 10. Mã đề thi

Giám thị 1:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

Giám thị 2:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

1. Tỉnh/TP:.....

2. Hội đồng coi thi :.....

3. Phòng thi:.....

4. Họ và tên thí sinh:.....

.....

5. Ngày sinh:...../...../.....

6. Chữ ký của thí sinh:.....

7. Bài thi:.....

8. Ngày thi:...../...../.....

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

Thí sinh lưu ý: - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách
- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn
- Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.

Phản trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

01	☐ A	☐ B	☐ C	☒
02	☐ A	☐ B	☐ C	☒
03	☒	☐ B	☐ C	☐ D
04	☒	☐ B	☐ C	☐ D
05	☐ A	☐ B	☒	☐ D
06	☐ A	☐ B	☒	☐ D
07	☐ A	☒	☐ C	☐ D
08	☐ A	☐ B	☐ C	☒
09	☒	☐ B	☐ C	☐ D
10	☐ A	☐ B	☐ C	☒
11	☐ A	☐ B	☒	☐ D
12	☒	☐ B	☐ C	☐ D
13	☐ A	☒	☐ C	☐ D
14	☒	☐ B	☐ C	☐ D
15	☐ A	☒	☐ C	☐ D
16	☐ A	☐ B	☐ C	☒
17	☒	☐ B	☐ C	☐ D
18	☐ A	☐ B	☐ C	☒
19	☐ A	☐ B	☐ C	☒
20	☐ A	☐ B	☐ C	☒
21	☐ A	☐ B	☒	☐ D
22	☒	☐ B	☐ C	☐ D
23	☐ A	☐ B	☐ C	☒
24	☐ A	☐ B	☒	☐ D
25	☒	☐ B	☐ C	☐ D
26	☒	☐ B	☐ C	☐ D
27	☐ A	☒	☐ C	☐ D
28	☐ A	☒	☐ C	☐ D
29	☐ A	☐ B	☒	☐ D
30	☐ A	☒	☐ C	☐ D
31	☒	☐ B	☐ C	☐ D
32	☐ A	☐ B	☐ C	☒
33	☒	☐ B	☐ C	☐ D
34	☒	☐ B	☐ C	☐ D
35	☒	☐ B	☐ C	☐ D
36	☐ A	☐ B	☐ C	☒
37	☐ A	☐ B	☐ C	☒
38	☐ A	☒	☐ C	☐ D
39	☒	☐ B	☐ C	☐ D
40	☒	☐ B	☐ C	☐ D